

Số: XMAN-05/15h00/DBQG

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2026

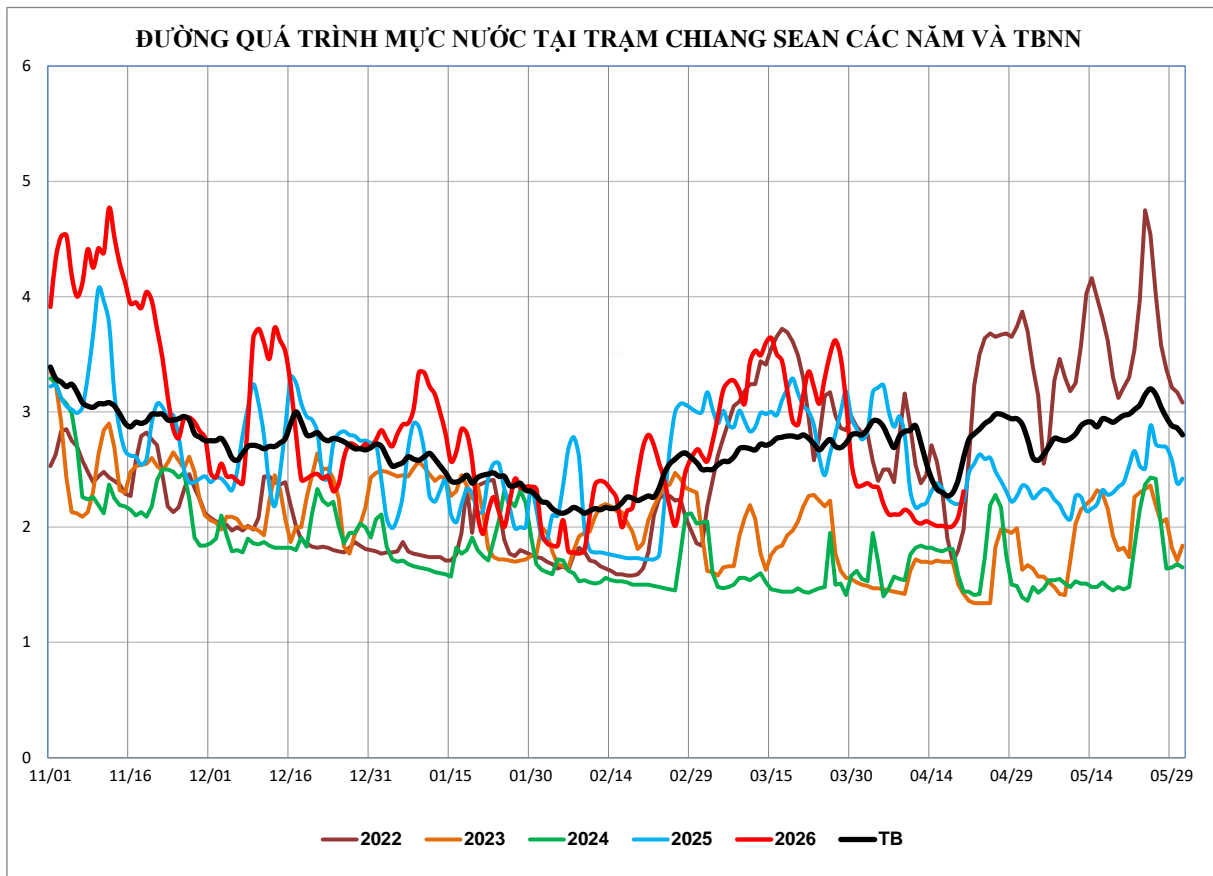
**TIN DỰ BÁO XÂM NHẬP MẶN  
TRÊN KHU VỰC NAM BỘ**  
(Từ ngày 21 đến ngày 30/4/2026)

**1. Hiện trạng thủy văn, thủy triều và xâm nhập mặn ở khu vực Nam Bộ**

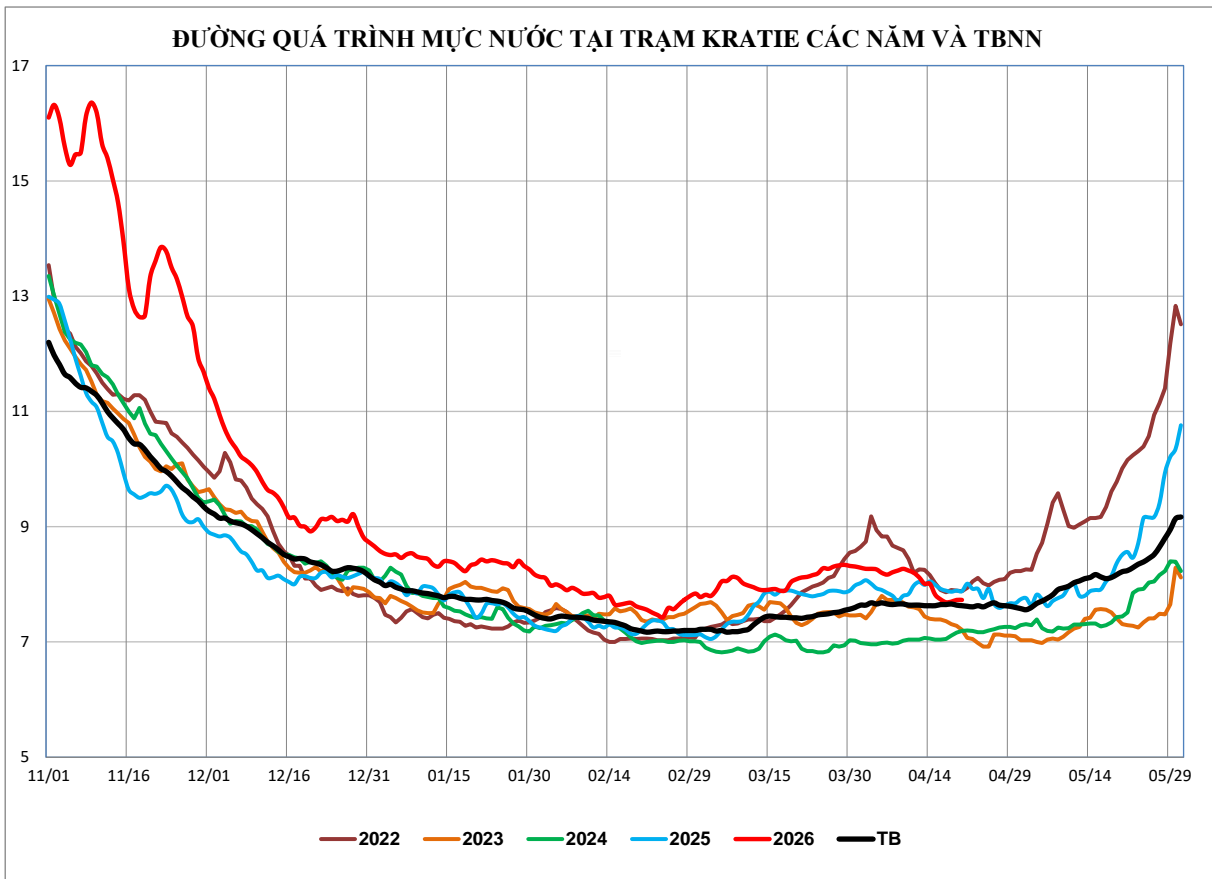
Khu vực phổ biến không mưa, ngày trời nắng, nắng nóng. Nhiệt độ cao nhất phổ biến từ 33-36<sup>0</sup>C, có nơi cao hơn.

Mức nước các trạm trên lưu vực sông Mê Công biến đổi chậm, các trạm thượng lưu ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm (TBNN: 2012-2024) từ 0,1-1,0m, các trạm trung, hạ lưu cao hơn TBNN từ 0,05-0,75m.

Mức nước trên sông Tiền, sông Hậu đang dao động theo triều với xu thế lên dần. Mức nước cao nhất tuần tại Tân Châu là 1,27m (ngày 19/4), tại Châu Đốc 1,43m (ngày 19/4), cao hơn TBNN cùng kỳ từ 0,15-0,2m.



Hình 1. Đường quá trình mực nước mùa khô năm 2025-2026 tại trạm Chiang Saen (Thái Lan)



Hình 2. Đường quá trình mực nước mùa khô năm 2025-2026 tại trạm Kratie (Campuchia)

Từ ngày 11-20/04, mực nước thủy triều trạm Vũng Tàu có xu hướng tăng. Mực nước cao nhất quan trắc tại trạm Vũng Tàu đạt 4,00m (lúc 02h45 ngày 19/04)

Mực nước thủy triều trạm Rạch Giá có xu hướng giảm trong giai đoạn 11-16/04, sau đó tăng. Mực nước cao nhất quan trắc tại trạm Rạch Giá đạt 0,22m (lúc 03h00 ngày 11/04)

Xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có xu thế tăng dần vào cuối tuần. Độ mặn tại hầu hết các trạm thấp hơn so với độ mặn cao nhất tháng 4/2025, riêng một số trạm ở Cà Mau, An Giang có độ mặn lớn hơn.

**Chiều sâu ranh mặn 4‰ tại các cửa sông chính:**

- Sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây: Phạm vi xâm nhập mặn 50-60km;
- Sông Cửa Tiểu, Cửa Đại: Phạm vi xâm nhập mặn 30-40km;
- Sông Hàm Luông: Phạm vi xâm nhập mặn 30-40km;
- Sông Cổ Chiên: Phạm vi xâm nhập mặn 30-40km;
- Sông Hậu: Phạm vi xâm nhập mặn 30-40km;
- Sông Cái Lớn: Phạm vi xâm nhập mặn 30-40km.

Bảng 1. Bảng độ mặn cao nhất từ ngày 11-20/4/2026

STT	Trạm	Sông	Tỉnh	K/C đến cửa sông (km)	Smax (g/l)	So sánh (Max tháng 4/2025)
1	Cát Lái	Sài Gòn	Hồ Chí Minh	58	4.7	Nhỏ hơn 4
2	Bến Lức	Vàm Cỏ Đông	Tây Ninh	67	1.9	Nhỏ hơn 1.2
3	Xuân Khánh	Vàm Cỏ Đông	Tây Ninh	95	0.2	Nhỏ hơn 0.3
4	Tân An	Vàm Cỏ Tây	Tây Ninh	80	0.4	Nhỏ hơn 1.3
5	Tuyên Nhơn	Vàm Cỏ Tây	Tây Ninh	120	0.1	Nhỏ hơn 0.2
6	Vàm Kênh	Cửa Tiểu	Đồng Tháp	2	17.5	Nhỏ hơn 4.5
7	Hòa Bình	Cửa Tiểu	Đồng Tháp	18	8.7	Nhỏ hơn 2.1
8	An Định	Tiền	Đồng Tháp	48	2	Nhỏ hơn 1.4
9	Bình Đại	Cửa Đại	Vĩnh Long	4	23.1	Nhỏ hơn 0.6
10	Lộc Thuận	Cửa Đại	Vĩnh Long	18	13.5	Lớn hơn 1.1
11	An Thuận	Hàm Luông	Vĩnh Long	10	21.5	Nhỏ hơn 9.2
12	Sơn Đốc	Hàm Luông	Vĩnh Long	20	11.5	Nhỏ hơn 5
13	Bến Trại	Cổ Chiên (cửa Cổ Chiên)	Vĩnh Long	10	19.5	Nhỏ hơn 6.3
14	Hương Mỹ	Cổ Chiên (cửa Cổ Chiên)	Vĩnh Long	25	6	Nhỏ hơn 2.4
15	Hưng Mỹ	Cổ Chiên (cửa Cung Hầu)	Vĩnh Long	17	10	Nhỏ hơn 4.3
16	Cầu Quan	Hậu (cửa Định An)	Vĩnh Long	32	3.2	Nhỏ hơn 3.9
17	Trà Vinh	Cổ Chiên (cửa Cung Hầu)	Vĩnh Long	28	6.1	Nhỏ hơn 2.4
18	Trà Kha	Hậu (cửa Định An)	Vĩnh Long	7	8.2	Nhỏ hơn 7.2
19	Long Phú	Hậu (cửa Trần Đề)	Cần Thơ	15	14.7	Nhỏ hơn 1.8
20	Đại Ngãi	Hậu (cửa Tranh Đề)	Cần Thơ	35	5	Nhỏ hơn 0.5
21	Trần Đề	Hậu	Cần Thơ	10	18.2	Nhỏ hơn 1.6
22	Thạnh Phú	K. Như Gia	Cần Thơ	Nội đồng (58)	1	Nhỏ hơn 2.6
23	Sóc Trăng	K. Maspero	Cần Thơ	Nội đồng (59)	1.4	Nhỏ hơn 0.9
24	Gành Hào	Gành Hào	Cà Mau	2	28.4	Lớn hơn 0.6
25	Sông Đốc	Sông Đốc	Cà Mau	1,5	29.8	Nhỏ hơn 6
26	Rạch Giá	Kiên	An Giang	7	-	
27	Gò Quao	Cái Lớn	An Giang	35	13.6	Lớn hơn 7.6
28	An Ninh	Cái Bé	An Giang	8	17.7	Lớn hơn 1.5

## 2. Dự báo

Khu vực Tây Nam Bộ ngày nắng, có nơi có nắng nóng, chiều tối và đêm có mưa vài nơi. Nhiệt độ cao nhất trên toàn khu vực phổ biến từ 31-34<sup>0</sup>C, có nơi cao hơn.

Mực nước các trạm trên lưu vực sông Mê Công biến đổi chậm, các trạm thượng lưu ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm (TBNN: 2012-2024) từ 0,1-1,0m, các trạm trung, hạ lưu cao hơn TBNN từ 0,05-0,75m.

Mức nước trên sông Tiền và sông Hậu dao động theo triều. Mức nước cao nhất tuần tại Tân Châu là 1,35m, tại Châu Đốc 1,5m, ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ từ 0,05-0,20m.

Mức nước thủy triều tại trạm Vũng Tàu (TP. Hồ Chí Minh): Từ ngày 20-24/4, đỉnh triều có xu hướng giảm, mức nước đỉnh triều khoảng 3,6-3,8m diễn ra vào khoảng 14 đến 16 giờ hằng ngày. Từ ngày 15/4 trở đi, đỉnh triều có xu hướng tăng, mức nước đỉnh triều khoảng 3,5-3,6m, diễn ra vào khoảng 12 đến 14 giờ hằng ngày.

Mức nước thủy triều tại trạm Rạch Giá (Tỉnh An Giang): Từ ngày 20-22/4, đỉnh triều có xu hướng ít thay đổi, mức nước đỉnh triều khoảng 0,6-0,7m diễn ra vào khoảng 17 đến 19 giờ hằng ngày. Từ ngày 22/4 trở đi, đỉnh triều có xu hướng giảm, mức nước đỉnh triều khoảng 0,5-0,7m, diễn ra vào khoảng 19 đến 21 giờ hằng ngày.

**Xu thế xâm nhập mặn từ ngày 21-30/4/2026:** Xâm nhập mặn ở ĐBSCL dao động ở mức cao trong những ngày đầu tuần và có xu thế giảm dần vào cuối tuần. Độ mặn cao nhất tại các trạm ở mức thấp hơn độ mặn cao nhất tháng 04/2025, riêng một số trạm ở An Giang có độ mặn lớn hơn.

*Bảng 2. Bảng dự báo độ mặn cao nhất từ ngày 21-30/4/2026*

STT	Trạm	Sông	Tỉnh	K/C đến cửa sông (km)	Smax (g/l)	Thời gian xuất hiện
1	Cát Lái	Sài Gòn	Hồ Chí Minh	58	4.9	21-22/4
2	Bến Lức	Vàm Cỏ Đông	Tây Ninh	67	2.1	21-22/4
3	Xuân Khánh	Vàm Cỏ Đông	Tây Ninh	95	0.2	21-22/4
4	Tân An	Vàm Cỏ Tây	Tây Ninh	80	0.4	21-22/4
5	<b>Tuyên Nhơn</b>	Vàm Cỏ Tây	Tây Ninh	120	0.1	21-22/4
6	Vàm Kênh	Cửa Tiểu	Đồng Tháp	2	17.8	21-22/4
7	Hòa Bình	Cửa Tiểu	Đồng Tháp	18	9	21-22/4
8	An Định	Tiền	Đồng Tháp	48	202	21-22/4
9	Bình Đại	Cửa Đại	Vĩnh Long	4	23.3	21-22/4
10	Lộc Thuận	Cửa Đại	Vĩnh Long	18	11	21-22/4
11	An Thuận	Hàm Luông	Vĩnh Long	10	21.8	21-22/4
12	Sơn Đốc	Hàm Luông	Vĩnh Long	20	11.7	21-22/4
13	Bến Trại	Cổ Chiên (cửa Cổ Chiên)	Vĩnh Long	10	19.8	21-22/4
14	Hương Mỹ	Cổ Chiên (cửa Cổ Chiên)	Vĩnh Long	25	5.5	21-22/4
15	Hưng Mỹ	Cổ Chiên (cửa Cung Hầu)	Vĩnh Long	17	10	21-22/4
16	Cầu Quan	Hậu (cửa Định An)	Vĩnh Long	32	3	21-22/4
17	Trà Vinh	Cổ Chiên (cửa Cung Hầu)	Vĩnh Long	28	5.2	21-22/4
18	Trà Kha	Hậu (cửa Định An)	Vĩnh Long	7	7	21-22/4
19	Long Phú	Hậu (cửa Trần Đề)	Cần Thơ	15	14	21-22/4

20	Đại Ngãi	Hậu (cửa Tranh Đề)	Cần Thơ	35	0.3	21-22/4
21	Trần Đề	Hậu	Cần Thơ	10	18	21-22/4
22	Thạnh Phú	K. Như Gia	Cần Thơ	Nội đồng (58)	1	21-22/4
23	Sóc Trăng	K. Maspero	Cần Thơ	Nội đồng (59)	1.4	21-22/4
24	Gành Hào	Gành Hào	Cà Mau	2	4	21-22/4
25	Sông Đốc	Sông Đốc	Cà Mau	1,5	29.5	21-22/4
26	<b>Rạch Giá</b>	Kiên	An Giang	-	-	
27	Gò Quao	Cái Lớn	An Giang	35	12.5	21-22/4
28	An Ninh	Cái Bé	An Giang	8	17	21-22/4

***Chiều sâu ranh mặn 4‰ tại các cửa sông chính:***

- Sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây: Phạm vi xâm nhập mặn 55-62km;
- Sông Cửa Tiểu, Cửa Đại: Phạm vi xâm nhập mặn 35-45km;
- Sông Hàm Luông: Phạm vi xâm nhập mặn 35-42km;
- Sông Cổ Chiên: Phạm vi xâm nhập mặn 35-45km;
- Sông Hậu: Phạm vi xâm nhập mặn 35-45km;
- Sông Cái Lớn: Phạm vi xâm nhập mặn 35-42km.

*Các địa phương cần tranh thủ tích trữ nước ngọt khi triều thấp phục vụ nông nghiệp và dân sinh.*

***Xu thế nguồn nước và xâm nhập mặn trong mùa khô năm 2025-2026:***

Xâm nhập mặn tại ĐBSCL mùa khô năm 2025-2026 ở mức thấp hơn năm 2024-2025 và TBNN.

Các đợt xâm nhập mặn tăng cao ở cửa sông Cửu Long khả năng tập trung trong tháng 4/2026 (từ ngày 21-23/4); các sông Vàm Cỏ, Cái Lớn vào tháng 4, 5/2025 (từ ngày 21/4-23/4, 01-05/5).

*Tình hình xâm nhập mặn ở ĐBSCL phụ thuộc vào nguồn nước từ thượng nguồn sông Mê Công, triều cường và còn biến động trong thời gian tới. Các địa phương ở vùng ĐBSCL cần cập nhật kịp thời các thông tin dự báo khí tượng thủy văn và có các biện pháp chủ động phòng chống xâm nhập mặn.*

**3. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long: Cấp 1.**

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 30/4/2026**

**Tin phát lúc: 15h00**

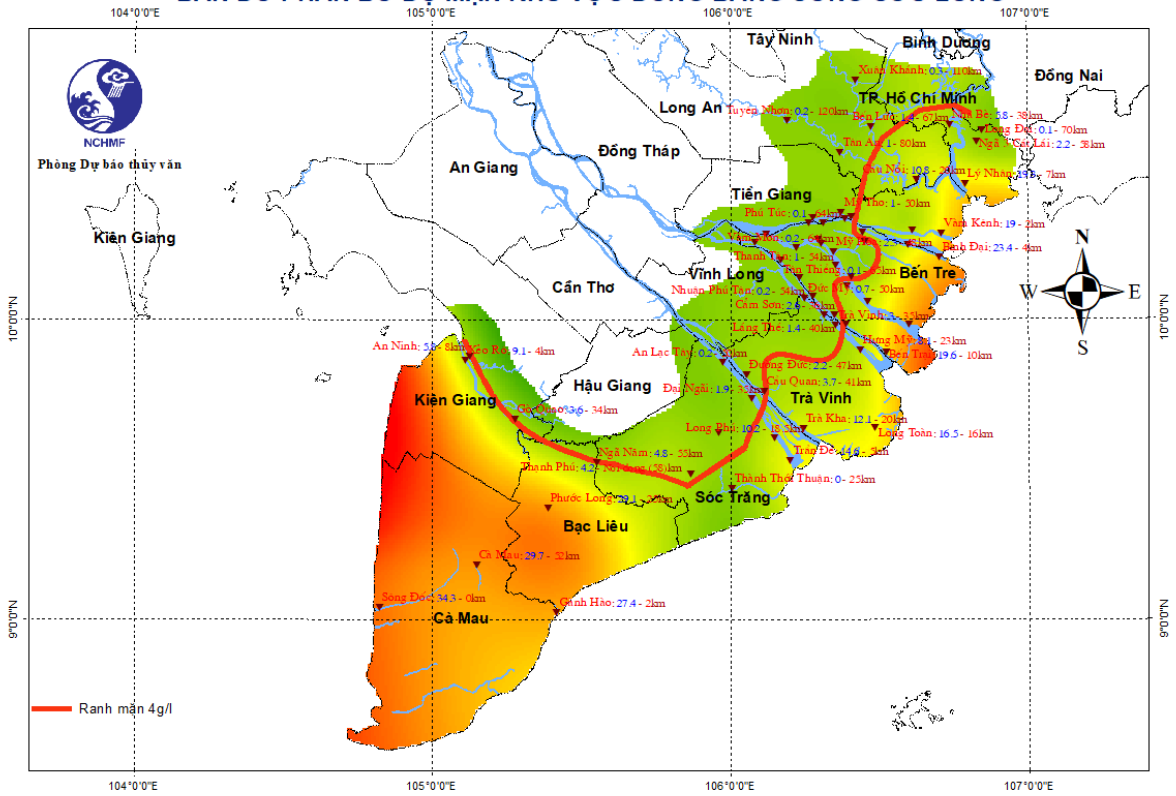
**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**



**Phùng Tiến Dũng**

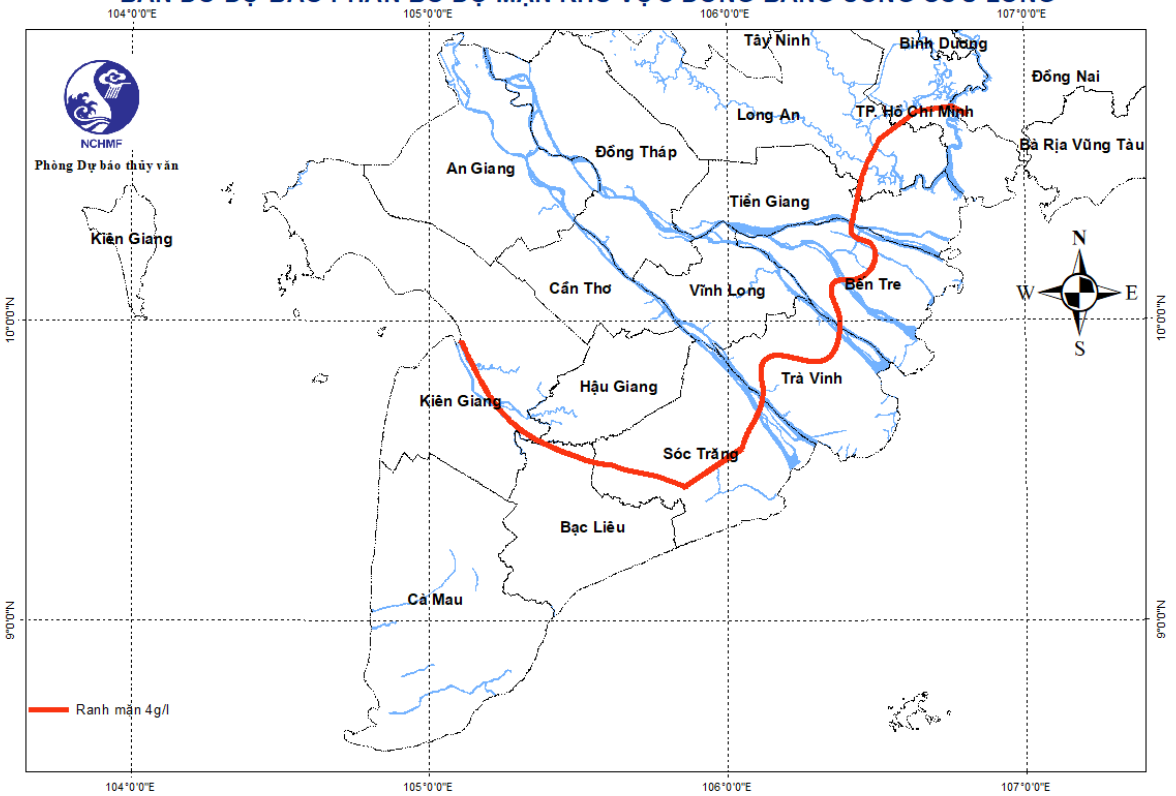
# Phụ lục

## BẢN ĐỒ PHÂN BỐ ĐỘ MẶN KHU VỰC ĐỒNG BANG SÔNG CỬU LONG



Hình 3. Bản đồ phân bố độ mặn từ 11-20/4/2026

## BẢN ĐỒ DỰ BÁO PHÂN BỐ ĐỘ MẶN KHU VỰC ĐỒNG BANG SÔNG CỬU LONG



Hình 4. Bản đồ dự báo phân bố độ mặn cao nhất từ 21-30/4/2026